

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN
CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA
CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

-----o0o-----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH

(Giấy CN ĐKKD số 0600265284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần
đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000, thay đổi lần thứ 04 ngày 11 tháng 03 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /QĐ-SGDHN do cấp ngày ... tháng ... năm 2014)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định,
tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0350.3867999

Fax: 0350.3848448

Website: www.namdingfoods.com

Email: namdingexport@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: <http://www.apec.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Việt Hùng

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Điện thoại: 0916398256



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm
Nông sản Xuất khẩu Nam Định

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 5.653.800 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 56.538.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHỨNG KHOÁN
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: www.apec.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG T.D.K

Địa chỉ: 2A Tầng 11 sàh KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT – CA HN,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 44500668 Fax: 04. 44500669

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

MỤC LỤC

PHẦN I.....	1
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	1
1.1. Rủi ro về biến động kinh tế.....	1
1.4. Rủi ro đặc thù	2
1.5. Rủi ro về Pháp luật	3
1.6. Rủi ro khác	3
PHẦN II.....	4
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN	
CÁO BẠCH.....	4
1 Tổ chức niêm yết.....	4
2 Tổ chức tư vấn	4
PHẦN III.....	5
CÁC KHÁI NIỆM.....	5
PHẦN IV	7
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
1.1. Giới thiệu về Công ty	7
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	8
1.3 Quá trình tăng vốn.....	9
2. Cơ cấu bộ máy quản lý	9
2.1 Sơ đồ	11
2.2 Diễn giải sơ đồ.....	12
3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 18/08/2014. Danh sách công ty mẹ và công ty con và công ty liên kết của tổ chức niêm yết.	18
3.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 18/08/2014.....	18
3.2 Cổ đông sáng lập tại ngày 18/08/2014	18
3.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 18/08/2014	18

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối.....	19
4.1 Danh sách công ty mẹ	19
4.2 Danh sách công ty con	19
4.3 Danh sách công ty liên kết	19
5 Hoạt động kinh doanh	19
5.1 Các hoạt động kinh doanh	19
5.1.1 Hoạt động sản xuất	19
5.1.2 Hoạt động hợp tác kinh doanh.....	20
5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	21
5.3 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào	23
5.4 Cơ cấu chi phí	25
5.5 Trình độ công nghệ	26
5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:	29
5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:	29
5.8 Hoạt động Marketing	30
5.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	30
5.10 Một số hợp đồng tiêu biểu đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết	30
5.10.1 Một số hợp đồng đã và đang thực hiện.....	30
5.10.2 Hợp đồng sẽ dự kiến thực hiện trong năm 2014	31
6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	31
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012, năm 2013 và Quý I năm 2014.....	32
6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.	32
7 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	33
8 Chính sách đối với người lao động	36
9 Chính sách cổ tức	38
10 Tình hình hoạt động tài chính.....	38
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	38
10.2 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	43

11 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	44
11.1 Danh sách	44
11.2 Sơ yếu lý lịch	45
12 Tài sản	55
13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2016	55
13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	56
13.2 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty	59
14 Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	60
15 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	61
16 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:	61
<u>PHẦN V:</u>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	62
1 Loại chứng khoán.....	62
2. Mệnh giá.....	62
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	62
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	62
6. Phương pháp tính giá	63
6.1. Giá trị sổ sách	63
6.2 Phương pháp định giá	63
7.Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	64
PHẦN VI.....	40
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	65
1. Tổ chức tư vấn	65
2. Tổ chức kiểm toán.....	65
PHẦN VII	66
PHỤ LỤC.....	66

PHẦN I**CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN**

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Công ty.

1.1. Rủi ro về biến động kinh tế** Tốc độ phát triển kinh tế**

Kinh tế Việt Nam năm 2013 có nhiều điểm sáng với những con số đạt và vượt chỉ tiêu được Quốc hội thông qua đầu năm. Con số đáng chú ý nhất về kinh tế Việt Nam 2013 là chỉ số lạm phát thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, đạt 6,04% và thấp hơn mức kế hoạch 8% thông qua hồi đầu năm. Về xuất nhập khẩu, kim ngạch xuất khẩu 2013 ước hơn 132 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012 và vượt mức chỉ tiêu đề ra cho xuất khẩu là 10%. Kim ngạch nhập khẩu 2013 đạt 131,3 tỷ USD, cũng tăng 15,4% so 2012. Cả năm 2013, cả nước xuất siêu 863 triệu USD, lạc quan hơn nhiều so với kế hoạch tỷ lệ nhập siêu 8% đặt ra hồi đầu năm. Bên cạnh các kết quả trên, trong 2013, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng 5,42%

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2014 tăng 5,18% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,25%. Trong mức tăng 5,18% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,96%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,33%, đóng góp 2,06 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,01%, đóng góp 2,57 điểm phần trăm. Như vậy, tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2014 cao hơn cùng kỳ năm 2013 (tăng 4,9%), là một kết quả đáng ghi nhận, đánh dấu sự hồi phục của nền kinh tế trong bối cảnh còn gặp nhiều khó khăn.

Về cơ cấu kinh tế, 6 tháng đầu năm 2014, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 17,69%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,70%; khu vực dịch vụ chiếm 43,61%. Tỷ trọng của 2 khu vực công nghiệp và dịch vụ đều cao hơn năm 2013, đánh dấu sự chuyển dịch cơ cấu ngành là đúng hướng.

Những diễn biến chung của nền kinh tế luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế, khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái sẽ kéo theo lãi suất và lạm phát tăng cao...là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp chủ yếu sản xuất thực phẩm

để xuất khẩu sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới thay đổi.

Tỷ giá hối đoái, lãi suất và lạm phát:

Những sản phẩm của Công ty chủ yếu xuất khẩu, nên sự thay đổi nào về tỷ giá sẽ gây ra những biến động lớn trong sản xuất kinh doanh cho Công ty. Mặt khác, do trong cơ cấu vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm, đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế. Trong ngắn hạn yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành. Tuy nhiên, trong dài hạn, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và tình hình lãi suất trên thị trường biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Rủi ro biến động chứng khoán

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ thị trường

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu tập trung vào sản phẩm lợn sữa đông lạnh xuất khẩu. Việc không đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh khác có thể tạo rủi ro cho công ty trong trường hợp ngành này gặp khó khăn. Trong trường hợp này, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ bị xáo trộn.

Bên cạnh đó việc phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài phần lớn những doanh nghiệp này đều có tiềm lực mạnh về vốn công nghệ và nguồn lực... Điều này sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với các doanh

ngành trong nước và nước ngoài. Hiện tại, Công ty đã mở rộng quan hệ giao dịch và xuất khẩu ra các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Hồng Kông... Tuy nhiên những mặt hàng thực phẩm nông sản nói chung và thịt lợn sữa đông lạnh nói riêng giá cả thị trường lên xuống thất thường rất khó dự đoán. Vì thế kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sẽ chịu ảnh hưởng nếu giá cả thị trường thường xuyên thay đổi.

Rủi ro về yếu tố đầu vào

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên liệu này hiện nay của công ty được cung cấp từ các trang trại hay các thương lái của các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình... nên nguồn nguyên liệu được cung cấp còn nhiều hạn chế.

1.4. Rủi ro về Pháp luật

Các công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

1.5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Dịch bệnh có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến việc cung cấp cũng như việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Hỏa hoạn, động đất gây thiệt hại từ phá hủy một phần đến hoàn toàn ...

PHẦN II

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1 Tổ chức niêm yết

Ông: Vũ Trọng Nghĩa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Việt Hùng	Chức vụ: Giám đốc
Bà: Trần Thị Nụ	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Đinh Văn Phiên	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2 Tổ chức tư vấn

Ông: Nguyễn Đỗ Lăng	Chức vụ: Tổng Giám Đốc
----------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định cung cấp.

PHẦN III

CÁC KHÁI NIỆM

1/ “Công ty”: Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600265248 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000, thay đổi lần thứ 04 ngày 11 tháng 03 năm 2014.

2/ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định

8/ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định.

9/ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định

10/ “Ban Giám đốc”: Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định.

11/ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “Tổ chức niêm yết”: Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định.

13/ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long

14/ “Tổ chức tư vấn”: Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

NDF	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định.
HDQT	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
BKS	Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
GD	Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
BGD	Ban Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VSCH	Vốn chủ sở hữu
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số CMND	Số chứng minh nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

PHẦN IV**TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU NAM ĐỊNH**
- Tên giao dịch quốc tế : **NAM DINH EXPORT FOODSTUFF AND AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **NADEXFOCO**
- Trụ sở chính : Đường Trần Nhân Tông, Phường Trần Quang Khải, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
- Điện thoại : 0350.3867999
- Fax : 0350.3848448
- Website : namdinhfoods.com
- Biểu tượng của Công ty



- Vốn điều lệ đăng ký : 56.538.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 56.538.000.000 đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 11/07/2014
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600265248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000, thay đổi lần thứ 04 ngày 11 tháng 03 năm 2014.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định tiền thân là Xí nghiệp Đông Lạnh Thịt xuất khẩu thuộc Sở Nông Lâm nghiệp Hà Nam – Ninh được thành lập theo quyết định số 151/QĐ_UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh ngày 02/03/1989.

Năm 2000, Công ty thực hiện theo quyết định số 2128/1999/QĐUB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định ngày 22 tháng 12 năm 1999 về việc chuyển đổi thành Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản Nam Định với vốn điều lệ đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 3,7 tỷ đồng. Tuy nhiên, vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đó là 3,22 tỷ và tới thời điểm tháng 3/2013 công ty mới hoàn thành tăng vốn lên 3,7 tỷ đồng, bằng với vốn điều lệ đăng ký tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Công ty nằm trong top các doanh nghiệp lớn của tỉnh Nam Định và giải quyết được nhiều lao động trong khu vực.

Tháng 12/2013, Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty lên 12,95 tỷ đồng từ quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn vốn khác để bổ sung vốn điều lệ.

Do nhu cầu và sự phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh, tháng 2 năm 2014 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 12,95 tỷ đồng lên 56,538 tỷ đồng để cơ cấu các khoản nợ và đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất mới, đầu tư trang trại chăn nuôi phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

Sau gần 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định đã đạt được những thành quả nhất định. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín và sự tin cậy với các khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại, Công ty đã có những khách hàng thường xuyên ở các nước Hồng Kông, Malaysia, Singapore..., các khách hàng trong nước ở Thành phố HCM và nhiều tỉnh thành khác.

Ngày 11 tháng 07 năm 2014, Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Nông sản xuất khẩu Nam Định được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chính thức chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 4003/UBCK-QLPH.

Nghành nghề kinh doanh chính của Công ty

- ❖ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- ❖ Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

- ❖ Buôn bán thực phẩm
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác
- ❖ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ❖ Chế biến, quản lý thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- ❖ Chăn nuôi gia cầm
- ❖ Chăn nuôi trâu bò
- ❖ Chăn nuôi khác

1. 3. Quá trình tăng vốn

Bảng tóm tắt quá trình tăng vốn

STT	Thời gian	Vốn thực góp trước khi tăng (VNĐ)	Vốn thực góp sau khi tăng (VNĐ)	Hình thức phát hành
1	Tháng 3/2013	3.221.400.000	3.700.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
2	Tháng 12/2013	3.700.000.000	12.950.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho CĐHH
3	Tháng 5/2014	12.950.000.000	56.538.000.000	Phát hành cổ phiếu cho CĐHH

Lần 1: Phát hành tăng vốn thực góp từ 3.221.400.000 đồng lên 3.700.000.000 đồng

- **Cơ sở pháp lý:**

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600265248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2000;

+Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2012/NADEXFOCO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/11/2012;

+ Nghị quyết HĐQT số 06/2012/NQ-HDQT ngày 24/12/2012.

- **Chi tiết đợt phát hành:**

+ Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược

+ Số lượng cổ đông phát hành: 02 cổ đông

+ Số lượng cổ phiếu phát hành: 47.860 cổ phiếu

+ Giá phát hành: 37.000 đồng/cp

- + Hình thức góp vốn: Tiền mặt
- + Tổng giá trị phát hành: 1.770.820.000 đồng
- + Thặng dư vốn: 1.292.220.000 đồng
- + Ngày phát hành: 24/11/2012
- + Ngày hoàn thành đợt phát hành: 21/03/2013

Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 3.700.000.000 đồng lên 12.950.000.000 đồng

• ***Cơ sở pháp lý:***

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/12/2013;
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600265248 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 27 tháng 12 năm 2013

• ***Chi tiết đợt phát hành:***

- + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ động hiện hữu
- + Số lượng cổ động phát hành: 7 cổ động
- + Tỷ lệ phát hành: 1:2,5
- + Nguồn phát hành: Thặng dư vốn, vốn khác thuộc chủ sở hữu, quỹ Đầu tư phát triển, chi tiết như sau:
 - Thặng dư vốn cổ phần: 1.250.000.000 đồng
 - Vốn khác thuộc chủ sở hữu: 2.000.000.000 đồng
 - Quỹ đầu tư phát triển: 6.000.000.000 đồng
- + Số lượng cổ phiếu phát hành: 925.000 cổ phiếu
- + Giá trị phát hành: 9.250.000.000 đồng
- + Ngày phát hành: 11/12/2013
- + Ngày hoàn thành: 27/12/2013

Lần 3: Phát hành tăng vốn từ 12.950.000.000 đồng lên 56.538.000.000 đồng

• ***Cơ sở pháp lý:***

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/02/2014;
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2014/NDF/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 25/4/2014;

+ Báo cáo kiểm toán vốn tại ngày 10/5/2014;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600265248 thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 11 tháng 03 năm 2014.

• **Chi tiết đợt phát hành:**

+ Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

+ Số lượng cổ đông phát hành: 07 cổ đông

+ Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:3,3659

+ Giá phát hành: 10.000 đồng/cp

+ Giá trị phát hành: 43.588.000.000 đồng

+ Số lượng cổ phiếu phát hành: 4.358.800 cổ phiếu

+ Hình thức góp vốn: Tiền mặt, tài sản và bù trừ công nợ, chi tiết như sau:

- Góp vốn bằng tiền mặt: 20.788.000.000 đồng

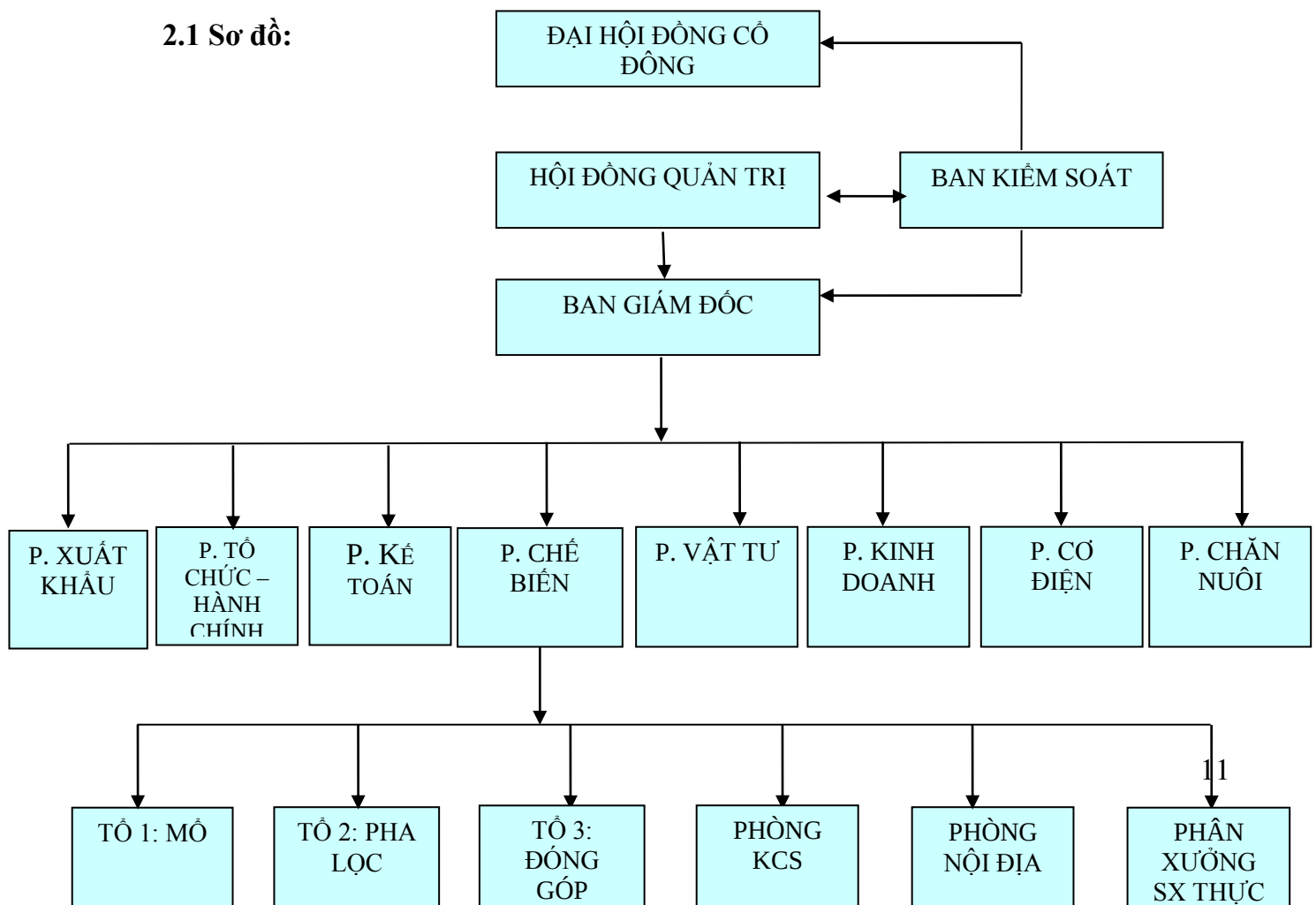
- Góp vốn bằng tài sản: 9.800.000.000 đồng

- Góp vốn bằng bù trừ công nợ: 13.000.000.000 đồng

+ Ngày hoàn thành: 05/05/2014

2. Cơ cấu bộ máy quản lý

2.1 Sơ đồ:



2.2 Diễn giải sơ đồ

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách

nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng tổ chức nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Xuất nhập khẩu

- Tham mưu, giúp Ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

- Giao thương quốc tế và hợp tác quốc tế.
- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của Giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật.
- Định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty.
- Theo dõi chặt chẽ và nắm bắt kịp thời tình hình thị trường, giá cả, nhu cầu hàng hóa xuất nhập khẩu để tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc đàm phán tiến tới ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định.
- Chịu trách nhiệm dự thảo, lập các hợp đồng ngoại thương, điều kiện và hình thức thanh toán. Thực hiện tốt nghiệp vụ thủ tục xuất nhập khẩu đúng quy định cũng như theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty, xây dựng các kênh thông tin về thương mại, đồng thời quản lý các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty thông qua các hệ thống thông tin;...

Phòng Kinh doanh

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra hàng hóa trong kho, nhập hàng, tham mưu cho Ban giám đốc về giá cả hàng hóa của công ty...

Phòng Cơ điện

Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất, chế biến thịt lợn tại nhà máy của công ty. - Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty. Có vấn đề cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, Phương tiện vận chuyển mới để phục vụ cho quá trình sản xuất.

Phòng Chế biến

Quản lý các tổ sản xuất, chế biến lợn như:

- Tổ mổ: Đây là giai đoạn đầu tiên của việc chế biến lợn đông lạnh. Tổ này phụ trách khâu giết lợn và sau đó làm sạch trước khi chuyển sang bộ phận khác.
- Tổ Pha Lọc: Đây là giai đoạn lọc những phụ phẩm như: tim, gan, thủ...rồi chuyển sang tủ đông.
- Tổ đóng gói: Đây là khâu cuối cùng trước khi sản phẩm được xuất bán ra thị trường.
- Phân xưởng sản xuất thực phẩm chín: Xúc xích là sản phẩm chủ yếu
 - + Đảm bảo từ khâu chế biến đến khâu đóng gói sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn đề ra.
 - + Tổ chức, nghiên cứu áp dụng quy trình và đo lường hệ thống chất lượng, kiểm tra giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất tại phân xưởng.
 - + Theo dõi tình hình sản xuất của phân xưởng để đảm bảo kỹ thuật và chất lượng sản phẩm đề ra.
 - + Tiến hành tổng kết đánh giá chất lượng sản phẩm hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân không đạt được để đưa ra những biện pháp khắc phục
 - + Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng
- Ngoài ra, Phòng chế biến còn bao gồm các phòng khác như:
 - Phòng KCS là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.
 - ❖ Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ.
 - ❖ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, thu thập, dự báo về chất lượng sản phẩm và kịp thời thông báo những thông tin đó đến Giám đốc để báo cáo Hội đồng quản trị.
 - ❖ Yêu cầu công nhân sản xuất thực hiện đúng quy trình sản xuất nhằm phục vụ tốt công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Phòng KCS có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất;Hàng hoá, thành phẩm nhập kho;Hàng hoá, thành phẩm đưa ra thị trường; Các hàng hoá khác khi có yêu cầu.

▪ Phòng nội địa là bộ phận tìm kiếm khách hàng mới để mở rộng thị trường trong nước, chăm sóc và duy trì những mối quan hệ với các khách hàng cũ.

- Có trách nhiệm kết hợp với các bộ phận liên quan để phục vụ khách hàng, giải quyết các kịp thời các vấn đề khiếu nại của khách hàng.

- Quản lý theo dõi các đơn hàng, phối hợp với các bộ phận liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao hàng.

- Thu hồi công nợ, đối chiếu và chốt công nợ với khách hàng.

- Lập kế hoạch công tác và tham mưu cho ban giám đốc về việc cung ứng sản phẩm trên thị trường nội địa.

Phòng Vật tư

Phòng Vật tư là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm, thi công các công trình. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban giám đốc về mọi hoạt động của đơn vị. Khai thác và cung ứng nguyên nhiên liệu, vật liệu thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất kinh doanh theo lệnh của Ban Giám Đốc.

- Quản lý, bảo quản vật tư, nguyên nhiên liệu. Cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư và cung cấp vật tư nguyên vật liệu phục vụ cho các bộ phận của nhà máy.

- Xây dựng các chương trình sản xuất hàng năm và dài hạn của công ty trên cơ sở năng lực thiết bị và nguồn vật tư nguyên nhiên liệu.

Thống kê ghi chép (thẻ kho, phiếu nhập kho, biên bản bàn giao máy móc thiết bị...) theo quy định của Công ty và Nhà nước. Xác định mức vật tư để không ngừng tiết kiệm trong việc sử dụng nguyên nhiên liệu...

Phòng Chăn nuôi

- Là phòng chuyên môn về kỹ thuật chăn nuôi của Công ty, tham mưu giúp Ban giám đốc và Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch phát triển, đưa ra các cơ chế phiên mảng chăn nuôi của Công ty

- Chịu trách nhiệm về công tác giống, chất lượng con giống, thức ăn cho gia súc và quy trình công nghệ trong chăn nuôi, chất thải và môi trường chăn nuôi

- Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo để các giải pháp, cơ chế chính sách hỗ trợ khắc phục, khôi phục sản xuất chăn nuôi sau thiên tai dịch hại trong quá trình chăn nuôi;

- Quản lý hoạt động hợp tác đầu tư với các trang trại chăn nuôi trong khu vực và báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của các dự án này.

3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 18/08/2014.

3.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 18/08/2014

Bảng 1

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	125	5.643.800	56.438.000.0000	99,82 %
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	125	5.643.800	56.438.000.0000	99,82%
II	Cổ đông nước ngoài	1	10.000	100.000.000	0,18 %
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	1	10.000	100.000.000	0,18%
	Tổng cộng	126	5.653.800	56.538.000.000	100 %

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định)

3.2 Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 18/08/2014

Bảng 2

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Tỷ trọng (%)
1	Vũ Trọng Nghĩa	Xóm 9, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	161514164	565.380	10%

2	Vũ Minh Thành	Tổ 23, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	168505678	619.000	10,95%
	Tổng cộng			1.184.380	20,95%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối.

4.1 Danh sách công ty mẹ

Không có

4.2 Danh sách công ty con

Không có

4.3 Danh sách công ty liên kết

Không có

5 Hoạt động kinh doanh

5.1 Các hoạt động kinh doanh

5.1.1 Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất chính của Công ty là chế biến thịt lợn đông lạnh.

Hình ảnh sản phẩm



Thịt lợn sữa đông lạnh là một trong những sản phẩm chính của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Nông sản xuất khẩu Nam Định. Hiện nay, nhà máy đang chú trọng và tập trung chế biến thịt lợn sữa đông lạnh để xuất khẩu sang các nước như Malaysia, Singapore, Hồng Kông... Sản phẩm của công ty hiện đang được ưa chuộng và có sản lượng tiêu thụ lớn ở các nước này. Đây vẫn sẽ là sản phẩm chủ lực của Công ty trong thời gian tới.

5.1.2 Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hiện nay Công ty thực hiện hợp tác đầu tư với các Công ty trong lĩnh vực chăn nuôi, trong đó chủ yếu là mảng chăn nuôi lợn. Với lợi thế hoạt động sản xuất chế biến thực phẩm lợn đông lạnh và mạng lưới khách hàng sẵn có, việc hợp tác đầu tư vào trang trại chăn nuôi lợn cũng sẽ mở ra cơ hội kinh doanh lớn cho công ty.

**** Hợp tác với trang trại chăn nuôi heo hậu bị Hà Lạn, Hải Hậu – Nam Định với dự án “Hợp tác khai thác, sử dụng trang trại chăn nuôi tại xã Giao Thịnh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”***

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh tư số 03/2013/NDF.HTKD ngày 06/04/2013 với Ông Vũ Trọng Nghĩa về đầu tư dự án này. Tổng giá trị đầu tư dự án này dự kiến là 31 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định góp 10 tỷ đồng và được nhận 30% lợi nhuận từ hoạt động sản xuất tại trang trại của dự án.

Quy mô của trang trại chăn nuôi lợn:

- Diện tích khai thác: 6 ha
- Quy mô chăn nuôi bao gồm 5 chuồng chăn nuôi lợn với Quy mô 8200 con/năm.
- Được thực hiện theo quy trình khép kín từ con giống – Chăn nuôi – tiêu thụ.
- Liên kết với Tập đoàn CP của Thái Lan ở Việt Nam – là một tập đoàn sản xuất kinh doanh đa ngành nghề và là một trong những tập đoàn mạnh nhất của Thái Lan trong lĩnh vực công - nông nghiệp và chế biến thực phẩm. Tập đoàn C.P thực hiện việc cung cấp từ con giống, thức ăn, kỹ sư chăn nuôi và bao tiêu toàn bộ lợn khi xuất chuồng.

Hiện tại, trang trại đã đi vào hoạt động. Dự kiến năm 2014 sẽ bắt đầu có lợi nhuận. Và đây sẽ là nguồn thu cho công ty trong những năm tới.

*** Hợp tác kinh doanh với Bà Phạm Ngọc Hà với dự án “Hợp tác khai thác, sử dụng trang trại chăn nuôi tại xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”**

Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/N.DFHTKD ngày 10/02/2014 với Bà Phạm Ngọc Hà về đầu tư dự án này. Tổng giá trị đầu tư dự án này dự kiến là 7,2 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định góp 2 tỷ đồng, được nhận 30% lợi nhuận từ kết quả khai thác của dự án.

Quy mô của trang trại chăn nuôi lợn:

- Diện tích khai thác: 2 ha
- Quy mô chăn nuôi bao gồm 3 chuồng chăn nuôi lợn thịt, 1 chuồng lợn đẻ với quy mô 2500 con lợn/năm và 4000 con lợn con/năm.

Hiện tại, trang trại đang trong quá trình đầu tư xây dựng, dự kiến cuối năm 2014 sẽ hoàn thành và đầu năm 2015 sẽ bắt đầu đi vào hoạt động. Dự kiến dự án có doanh thu và lợi nhuận trong năm 2015.

5.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu các sản phẩm và dịch vụ năm 2012, 2013 và 06 tháng năm 2014

Bảng 3

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Tỷ trọng (%)	Năm 2013	Tỷ trọng (%)	06 tháng năm 2014	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng trong nước	15.655.425	16,53	13.345.794	22,69	7.468.905	18,30
2	Doanh thu xuất khẩu	79.074.765	83,47	45.482.001	77,31	33.355.318	81,70
	Tổng cộng	94.730.190	100%	58.827.795	100%	40.824.223	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Năm 2012, hoạt động sản xuất của Công ty được đẩy mạnh, đồng thời tập trung phát triển mảng kinh doanh, thúc đẩy bán hàng trong và nước ngoài. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 là 94,7 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động xuất khẩu chiếm 83,47% và doanh thu trong nước chiếm 16,53%.

Năm 2013, Công ty bắt đầu mở rộng lĩnh vực kinh doanh. Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính là chế biến thịt lợn sữa đông lạnh, Công ty thực hiện hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân vào các trang trại chăn nuôi trong khu vực.

Mặc dù, các dự án hợp tác kinh doanh này chưa đem lại doanh thu và lợi nhuận cho trong năm 2013, nhưng được kỳ vọng trong tương lai sẽ đem lại nguồn thu lớn cho Công ty.

Doanh thu thuần năm 2013 của Công ty đạt hơn 58,83 tỷ đồng giảm 37,90% so với năm 2012, trong đó doanh thu từ bán hàng trong nước đạt 13,35 tỷ đồng, giảm 14,75 % và doanh thu xuất khẩu đạt 45,48 tỷ, giảm 42,48%. Nguyên nhân của việc sụt giảm doanh thu như vậy là do trong năm 2013 ở khu vực tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận bị ảnh hưởng của dịch lở mồm long móng ở lợn nên việc cung cấp nguyên liệu bị ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất của công ty.

Sáu tháng đầu năm 2014, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính và hợp tác đầu tư vào trang trại nuôi lợn trên địa bàn. Doanh thu bán hàng của Công ty đạt 40,8 tỷ đồng trong đó doanh thu bán hàng trong nước và xuất khẩu đạt tương ứng là 7,5 tỷ đồng và 33,4 tỷ đồng.

Cơ cấu lợi nhuận gộp các sản phẩm và dịch vụ năm 2012, năm 2013 và 06 tháng đầu năm 2014

Bảng 4

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Tỷ trọng /DTT (%)	Năm 2013	Tỷ trọng /DTT (%)	06 tháng năm 2014	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng trong nước	2.149.169	2,27	1.488.518	2,53	1.255.422	3,08
2	Lợi nhuận gộp từ xuất khẩu	3.678.834	3,88	3.383.608	5,75	3.808.170	9,33
	Tổng cộng	5.828.003	6,15	4.872.126	8,28	5.063.592	12,41

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Lợi nhuận gộp năm 2012 của công ty đạt mức 5,83 tỷ đồng, đạt 6,15% doanh thu thuần, trong đó lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng trong nước đạt 2,15 tỷ đồng chiếm 2,27% doanh thu thuần, lợi nhuận gộp bán hàng xuất khẩu đạt 3,68 tỷ đồng, tương ứng 3,88% doanh thu thuần.

Năm 2013, Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng xuất khẩu và trong nước giảm so với năm 2012 cụ thể lợi nhuận gộp từ việc xuất khẩu đạt gần 3,4 tỷ đồng giảm 8,02%, lợi nhuận bán hàng trong nước đạt gần 1,5 tỷ đồng, giảm 30,74% so với năm 2012.

Nguyên nhân chính xuất phát từ việc bùng phát dịch bệnh trong khu vực và các tỉnh lân cận nên nguồn cung cấp lợn cho quá trình sản xuất giảm, bên cạnh đó các chi phí khác như giá xăng dầu, nguyên liệu đi kèm cho sản xuất khác cũng tăng giá. Do đó, Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm so với năm 2012.

Trong sáu tháng đầu năm 2014, tỷ lệ lợi nhuận gộp thu được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ trên doanh thu thuần tăng cao so với các năm trước chủ yếu thu được từ hoạt động xuất khẩu. Cụ thể lợi nhuận gộp thu được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 5,08 tỷ đồng bằng 12,41% doanh thu thuần trong đó lợi nhuận xuất khẩu đạt 3,8 tỷ đồng, chiếm tới 9,33%. Trong thời gian này, Công ty đã thực hiện tăng vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển khách hàng trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, tỉnh Nam Định đã được kiểm soát được hoàn toàn dịch bệnh bùng phát trong năm 2013 nên việc cung cấp nguyên liệu đầu vào rất thuận lợi, giá các nguyên liệu phụ kiện khác cũng ổn định hơn.

5.3 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

➤ Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu

Nhà máy của công ty chính là nơi có vùng chăn nuôi lợn phát triển nên việc cung ứng đầu vào luôn ổn định. Ngoài ra, Công ty còn có những hợp đồng cung ứng nguồn nguyên liệu với một số thương lái ở các tỉnh lân cận như: Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình... và một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn.

➤ Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Nhìn chung việc cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn luôn ổn định. Trong thời gian tới, trang trại lợn ở Hải Hậu đã có thể cung cấp một lượng lớn nguồn nguyên liệu này cho công ty. Ngoài ra, nguồn cung ứng nhiên liệu khác phục vụ trong quá trình chế biến cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được mối quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nguyên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

Danh sách một số nhà cung cấp vật tư nhiên liệu cho Công ty.

Bảng 5

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Trần Văn Thương	Xóm 8 Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định	Lợn sữa
2	Trịnh Xuân Trường	Xóm 9, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, ND	Lợn sữa
3	Lê Văn Lũ	Đồng Sơn, Nam Trực, Nam Định	Lợn sữa

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
4	Hoàng Văn Lanh	Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định	Lợn sữa
5	Vũ Thị Soi	Đồng Sơn, Nam Trực, Nam Định	Lợn sữa
6	Nguyễn Thị Phương Lan	Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam	Lợn sữa
7	Trần Trọng Hương	Xóm Trại, Lộc An, Nam Định	Lợn sữa
8	Nguyễn Mạnh Quân	Đồng Quỹ, Nam Tiến, Nam Trực, ND	Lợn sữa
9	Nguyễn Thanh Bình	Hồng Lý, Vũ Thư, Thái Bình	Lợn sữa
10	Đổng Văn Ty	Trực Khang, Trực Ninh, Nam Định	Lợn sữa
11	Phạm Xuân Nghiên	Thôn 6, Trực Thuận, Trực Ninh, ND	Lợn sữa
12	Trần Văn Khải	Nghĩa Hồng, Nghĩa Hưng, Nam Định	Lợn sữa

➤ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của Công ty là từ các hộ dân và các trang trại chăn nuôi trên địa bàn, ngoài ra, Công ty còn có những hợp đồng cung ứng nguyên liệu với một số thương lái ở các tỉnh lân cận như: Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình... Do đó, hai nhân tố ảnh hưởng lớn nhất tới chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là giá thịt lợn hơi và chi phí vận chuyển lợn tới nhà máy.

Nguyên liệu chính của công ty là thịt lợn hơi. Nhìn chung, việc cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty luôn luôn ổn định về số lượng và chất lượng. Giá cả của thịt lợn hơi phụ thuộc nhiều vào chi phí chăn nuôi lợn như giá cám công nghiệp, giá ngô, giá gạo... Do đó, mọi chính sách vĩ mô của Nhà nước liên quan tới các thị trường yếu tố đầu vào trên đều ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Về chi phí vận chuyển lợn tới công ty, trong năm 2013 giá xăng dầu thế giới và trong nước biến động mạnh và có xu hướng tăng, điều này ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài các nhân tố trên, dịch bệnh cũng ảnh hưởng rất lớn tới lợi nhuận của ngành chăn nuôi nói chung và hoạt động sản xuất của Công ty nói riêng. Trong năm 2013, do dịch bệnh bùng phát đã ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bước sang năm 2014, tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát khá tốt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tăng cường các trạm tiêm vắc xin phòng bệnh ở gia súc, gia cầm. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty phần nào ổn định hơn.

5.4 Cơ cấu chi phí

Tỷ trọng chi phí của Công ty qua các năm:

Bảng 6

Đơn vị: Nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		06 tháng năm 2014	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT
1	Giá vốn bán hàng	88.902.187	93,85%	53.955.669	91,72%	35.760.631	87,59%
2	Chi phí QLDN	4.256.317	4,49%	3.742.628	6,36%	1.593.165	3,90%
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	240.464	0,59%
4	Chi phí tài chính	519.507	0,55%	294.958	0,50%	251.162	0,61%
	Tổng cộng	93.678.011	98,89%	57.993.255	98,58%	37.8845.422	92,69%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Trong năm năm 2012, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó giá vốn bán hàng tăng lên đáng kể tương ứng với doanh thu, kèm theo đó là sự gia tăng của chi phí quản lý doanh nghiệp. Theo Báo cáo kiểm toán, giá vốn bán hàng của Công ty năm 2012 là 88,9 tỷ đồng chiếm 93,85% doanh thu thuần. Thực hiện chính sách cắt giảm chi phí, giá vốn/doanh thu thuần năm 2013 là 91,72% và trong 06 tháng đầu năm 2014, việc thực hiện cắt giảm chi phí đã trở nên có hiệu quả, tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần chỉ còn 87,55%.

Về chi phí bán hàng, do chủ yếu năm 2012, 2013 công ty xuất bán hàng cho những đối tác đã có quan hệ với công ty lâu năm, đồng thời các đơn hàng đều được khách hàng bao thầu 1 đơn vị vận chuyển nên không phát sinh các khoản chi phí bán. Chi phí gián tiếp trong giai đoạn này tập trung chủ yếu ở chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính. Sang năm 2014, công ty tích cực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, trong đó công ty đã tìm kiếm được nhiều khách hàng mới trong và ngoài nước. Khoản chi phí bán hàng trong 06 tháng năm 2014 là 240.463.770 đồng, tuy nhiên, khoản mục này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu (0,59%) nên không ảnh hưởng nhiều tới lợi nhuận của công ty.

Chính sách quản lý chi phí:

Công ty đang tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, nâng cao công nghệ sản

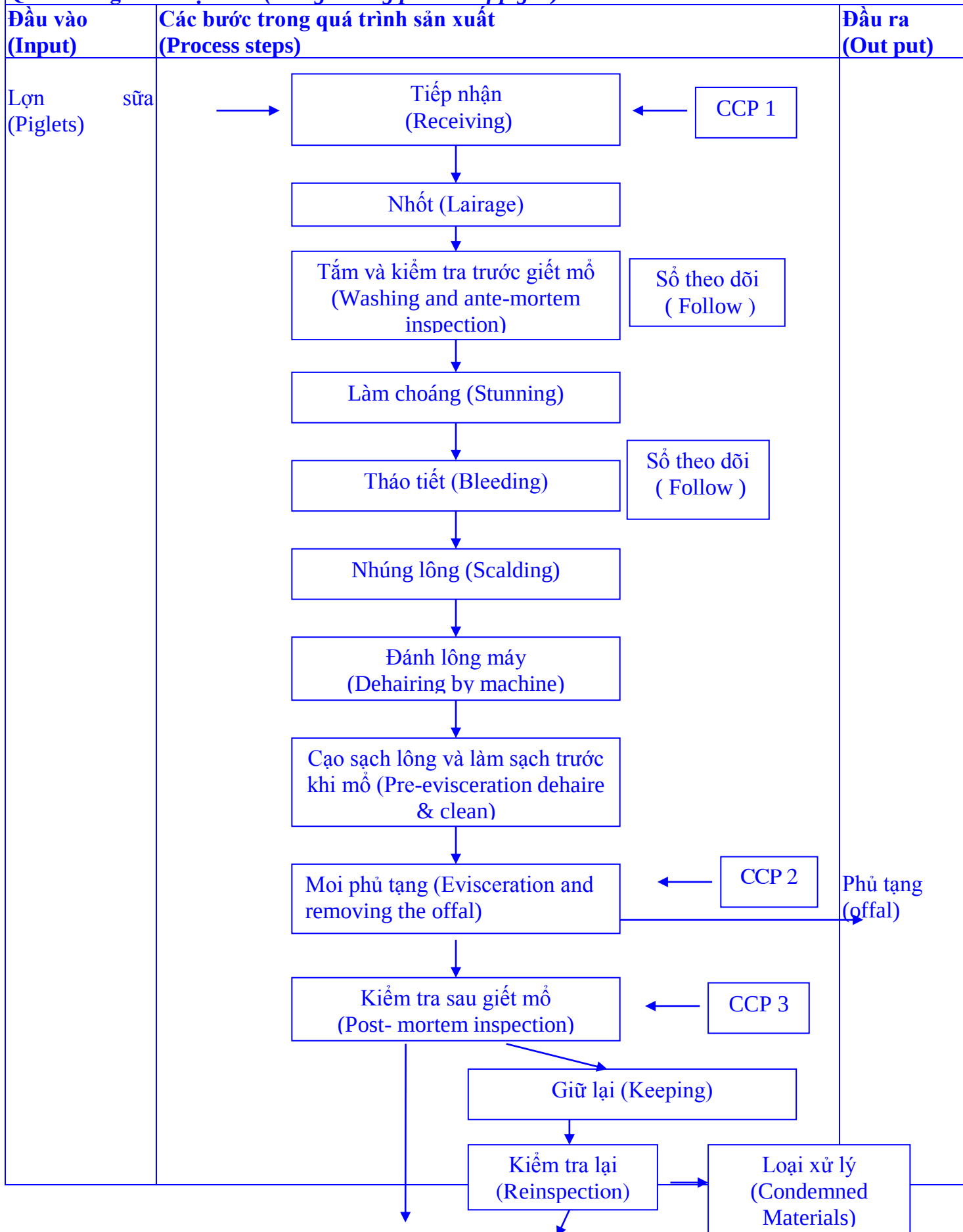
xuất, hiện đại hóa quá trình chế biến để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

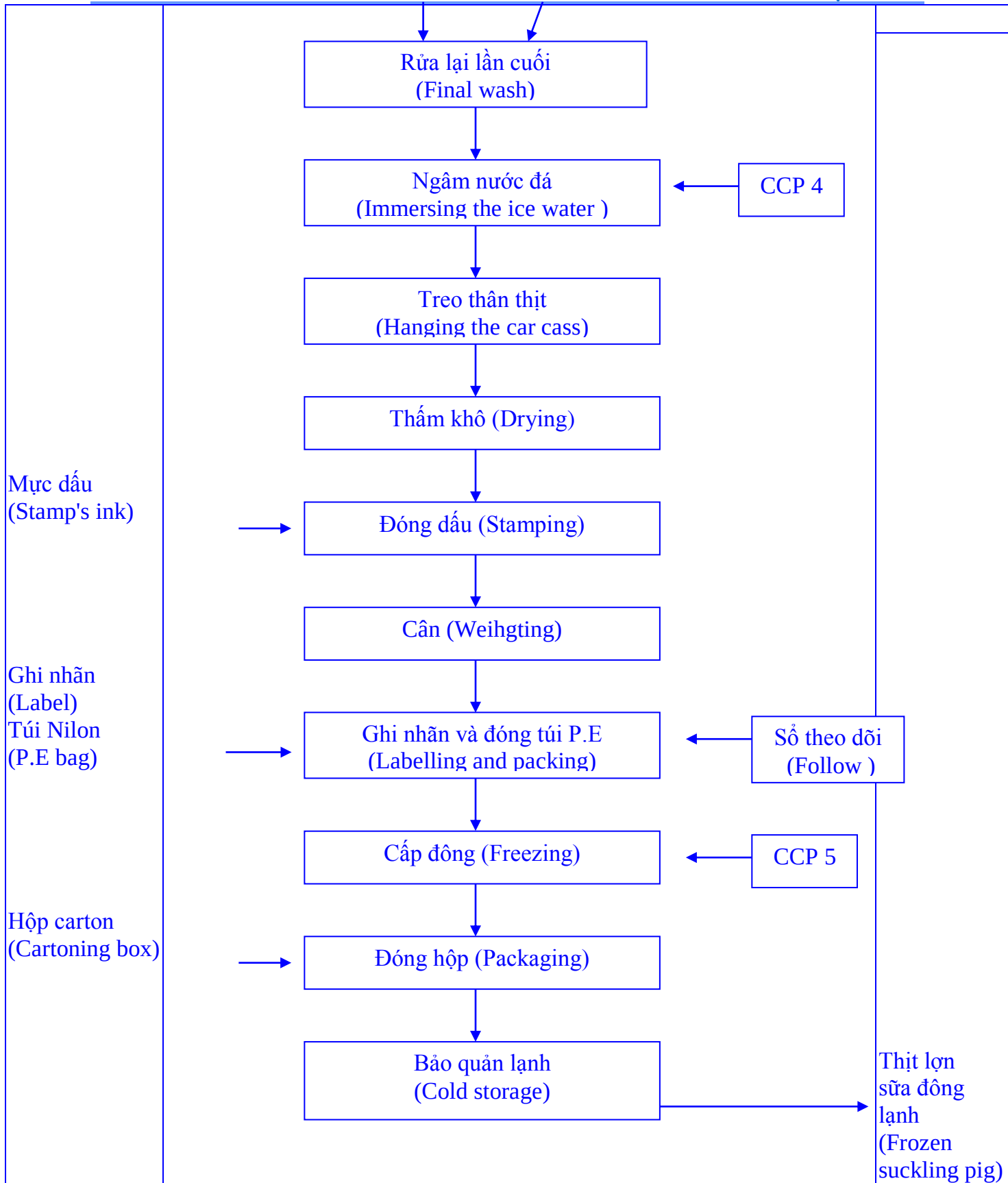
5.5 Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết phù hợp với quy chuẩn của các nước và đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền giết mổ, đông lạnh, vận chuyển của Công ty được sản xuất trong nước và nhập khẩu ở nước ngoài.

Dây chuyền chế biến của công ty tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng tốt được các đối tác đánh giá cao. Sản phẩm chính là Lợn sữa đông lạnh của công ty được khách hàng đánh giá rất cao và tiêu thụ rất tốt.

Quá trình giết mổ lợn sữa (*Slaughtering process of piglet*)





5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty trong những năm qua đã tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty. Một trong những thành tựu nổi bật của Ban giám đốc là đã cùng với các cán bộ nghiên cứu của các Công ty khác trong ngành, sáng chế ra công nghệ và quy trình sản xuất, cho ra sản phẩm đạt chất lượng cao.

Công ty hợp tác với trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội thực hiện việc nghiên cứu và phát triển con giống mới có chất lượng tốt và tạo hiệu quả kinh tế cao trong quá trình chăn nuôi của trang trại.

Công ty đang triển khai xây dựng phân xưởng sản thực phẩm chín: Sản phẩm chính được sản xuất là Xúc xích, và các sản phẩm khác từ thịt lợn. Dự kiến cuối năm 2014 phân xưởng sẽ đi vào hoạt động nhằm đa dạng hóa sản phẩm và tạo nguồn thu lớn cho Công ty.

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ thu mua đến từng công đoạn chế biến. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

Đối với thu mua nguyên liệu đầu vào: Công ty cũng chọn lựa những loại lợn tốt, đạt tiêu chuẩn và được kiểm dịch của cục thú ý.

Đối với chế biến:

- Tại nhà máy đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát từng khâu trong quá trình chế biến.

- Sau đó lợn sau khi làm sạch được đưa vào kho đông. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm này.

- Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty đều được áp dụng theo quy chuẩn nghiêm ngặt.

Công ty được tặng nhiều bằng khen và giấy chứng nhận của Sở y tế tỉnh Nam Định về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm

5.8 Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong những năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty đang hình thành một thương hiệu có uy tín trên địa bàn tỉnh, các tỉnh miền Nam như: Thành phố HCM, Vũng Tàu...và các nước bạn như Hồng Kông, Malaysia, Singapore...

5.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu của công ty chưa thực hiện đăng ký bản quyền.

5.10 Một số hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

5.10.1 Một số hợp đồng đã thực hiện

Bảng 7

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Tổng giá trị Hợp đồng (VND)
1	Sunhing city limited	Năm 2013	Lợn sữa đông lạnh	1.842.753.600
2	Seng Chon	Năm 2013	Lợn sữa Đông lạnh	4.685.137.920
3	Sebo international Limited	Năm 2013	Lợn sữa đông lạnh	1.943.726.400
4	Sunhing City Limited	Năm 2013	Lợn sữa đông lạnh	1.943.726.400
5	Tristar Trading Company	Năm 2013	Lợn Sữa đông lạnh	1.590.321.600
6	Sunhing City Limited	Năm 2013	Lợn sữa đông lạnh	1.565.078.400
7	Sebo International Limited	Năm 2013	Lợn Sữa đông lạnh	1.741.780.800
	Tổng cộng:			15.312.525.120

(Nguồn: Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định)

5.10.2 Hợp đồng thực hiện trong năm 2014

Bảng 9

Đơn vị: Đồng

STT	Đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Tổng giá trị Hợp đồng dự kiến (VND)
1	Sunhing city limited	Năm 2014	Lợn sữa đông lạnh	25.200.000.000
2	Waifat seafood co.,LDT	Năm 2014	Lợn sữa Đông lạnh	16.800.000.000
3	Sebo international Limited	Năm 2014	Lợn sữa đông lạnh	34.020.000.000
4	Samlong international LDT	Năm 2014	Lợn sữa đông lạnh	8.505.000.000
5	Tristar Trading Company	Năm 2014	Lợn Sữa đông lạnh	13.608.000.000
6	Li Yuen Shipping Enterprises	Năm 2014	Lợn sữa đông lạnh	8.505.000.000
7	Country Global Trade And Distribution	Năm 2014	Lợn Sữa đông lạnh	25.200.000.000
Tổng cộng:				131.838.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định)

6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012, năm 2013 và 06 tháng đầu năm 2014.

Bảng 9

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	+/- so với năm 2012 (%)	06 tháng năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	21.630.281	41.739.462	92,97%	73.286.872
2	Vốn chủ sở hữu	13.283.339	15.119.846	9,01%	61.360.100
3	Doanh thu thuần	94.730.190	58.827.795	-37,90%	40.824.223
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.224.353	1.053.527	-13,95%	3.091.971
5	Lợi nhuận khác	308.446	20.677	-93,30%	360.000
6	Lợi nhuận trước thuế	1.532.798	1.074.250	-29,92%	3.451.972
7	Lợi nhuận sau thuế	1.264.559	805.688	-36,29%	2.692.538
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	38,21%	-	-	-
9	LNST/VCSH bình quân	9,26%	5,67%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Tổng tài sản của Công ty năm 2013, 6 tháng 2014 tăng mạnh do trong năm 2013, 2014 công ty tăng vốn điều lệ và dùng tiền tăng vốn thu được trong năm, tiền vay để thực hiện đầu tư vào các trang trại trên địa bàn tỉnh Nam Định và bổ sung vào nguồn vốn lưu động phục vụ công tác mua nguyên liệu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Năm 2013, Doanh thu thuần của Công ty bị sụt giảm so với năm 2012 là 37,9% do trong năm nguồn nguyên liệu của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh xảy ra và ảnh hưởng của nền kinh tế bị suy thoái tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2013 cũng giảm tương ứng là 29,92% và 36,29%.

Sáu tháng đầu năm 2014, hoạt động kinh doanh của công ty đạt kết quả khả quan do kiểm soát được dịch bệnh và cắt giảm chi phí. Doanh thu thuần đạt 40,8 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước và bằng 70% doanh thu cả năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 2,7 tỷ đồng cao hơn nhiều so với kết quả năm 2012 (0,8 tỷ đồng), năm 2013 (1,26 tỷ đồng). Hoạt động của Công ty sau khi tăng vốn đang cho thấy sự hiệu quả trong việc sử dụng vốn, việc đầu tư vào hoạt động sản xuất

kinh doanh chính cũng như các hoạt động hợp tác kinh doanh đang dần đi vào ổn định và phát huy.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

❖ Những nhân tố thuận lợi

Chính sách của Nhà nước: Xuất khẩu thực phẩm Nông sản được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động xuất khẩu của sản phẩm này nên rất thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty và mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

Nguồn lực sản xuất: Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các trang trại và các hộ gia đình chăn nuôi với số lượng lớn. Dây chuyền chế biến hiện đại tiên tiến. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản xuất để có thể chế biến được tối đa nguồn lực và tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của Công ty.

Nguồn lực con người: Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm: Hiện nay Công ty có những khách hàng lâu năm ở trong nước cũng như các khách hàng ở các nước như Malaysia, Singapore, Hồng Kông... nên sản phẩm chế biến ra sẽ được tiêu thụ rất nhanh.

❖ Những nhân tố khó khăn

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước: Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua, chế biến Nông sản xuất khẩu cũng là một ngành chịu sự ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới. Thêm vào đó, Giá xăng dầu trong thời gian qua cũng đã tăng khá mạnh, gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty. Ngoài ra, dịch bệnh bùng nổ thời gian qua cũng ảnh hưởng rất nhiều đến việc tiêu thụ sản phẩm của công ty.

7 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Là Doanh nghiệp được thành lập từ những năm 80, Công ty đã có 1 vị thế quan trọng trong tỉnh cũng nhý trong ngành chế biến thực phẩm xuất khẩu. Với những chính sách ý ấi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Nam Định vào lĩnh vực chế biến thực phẩm nông sản đặc biệt với những doanh nghiệp có kinh nghiệm lâu năm trong hoạt động này, đảm bảo an toàn hệ sinh thái cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất, Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh. Nếu so sánh với những doanh nghiệp chế biến thịt lợn sữa đông lạnh. Công ty vẫn là một doanh nghiệp có truyền thống và kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều loại máy móc, thiết bị, quy trình mới nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những đề án phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Nam Định tạo điều kiện tối đa về mọi mặt.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

Chăn nuôi là một bộ phận quan trọng trong nền nông nghiệp Việt Nam. hiện nay khi đất nước ta đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khi tỷ trọng giá trị sản phẩm trong GDP có xu hướng giảm đi thì tỷ trọng giá trị sản phẩm chăn nuôi lại có xu hướng tăng lên trong tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là tỷ trọng giá trị sản phẩm thịt lợn. Xu hướng này xuất phát từ hai nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại, năng suất chăn nuôi ngày càng tăng lên, thời gian nuôi được rút ngắn, do đó lợi nhuận thu được từ chăn nuôi đang có xu hướng tăng nhanh hơn lợi nhuận thu được từ trồng trọt.

Thứ hai, mức sống của con người ngày càng tăng lên kéo theo sự thay đổi trong cơ cấu tiêu dùng thức ăn, xu hướng tiêu dùng sản phẩm trồng trọt giảm đi nhanh chóng nhường chỗ cho sản phẩm chăn nuôi. Nhu cầu về thịt trên thị trường ngày càng tăng lên, đặc biệt là nhu cầu về sản phẩm thịt lợn.

Hai lý do chủ yếu trên chính là động lực để thúc đẩy ngành chăn nuôi lợn ngày càng phát triển. Chăn nuôi lợn là ngành chăn nuôi không mới nhưng trong điều kiện Việt Nam hiện nay, đó lại là ngành chăn nuôi có triển vọng nhất. Nếu được đầu tư đầy đủ về vốn, công nghệ, chăn nuôi trên quy mô lớn thì hiệu quả thu được của ngành thực sự là không nhỏ.

Công nghiệp chế biến luôn gắn liền với chăn nuôi. Chế biến thịt là lĩnh vực xuất hiện ở nước ta từ lâu, nhưng theo phương thức cổ truyền với những sản phẩm như:

ruốc, giò, chả, nem chua, nem chạo, heo viên, bò viên... Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở tư nhân chế biến thịt truyền thống vẫn sử dụng máy bán cơ giới như xay, ép. Năng lực chế biến, công nghệ thiết bị vẫn ở trình độ thủ công, lạc hậu. Các sản phẩm này chủ yếu bao gói bằng lá dong, lá chuối và sử dụng hàn the để bảo quản nên độ độc hại cao, dễ bị nhiễm khuẩn, khó đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngành chế biến thịt công nghiệp ở nước ta chỉ mới bắt đầu hình thành khoảng 15 năm trở lại đây nhưng phát triển tương đối nhanh. Thế nhưng, tỷ lệ thịt được chế biến ở nước ta nhìn chung vẫn thấp, từ năm 2000 đến nay, sản lượng thịt được chế biến chỉ chiếm 10-12% tổng sản lượng thịt. Hiện, cả nước có hơn 30 nhà máy chế biến thịt quy mô công nghiệp, trong đó mới có vài công ty chế biến có công suất trên 10.000 tấn thịt/năm. Vì vậy, công nghiệp chế biến thịt hiện nay đang là ngành khá hấp dẫn, có tiềm năng trong tương lai. Do đó, cần phát triển hơn nữa ngành công nghiệp chế biến thịt nhằm đáp ứng nhu cầu trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, ngành chăn nuôi – chế biến thực phẩm cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề mà tiêu biểu là vấn đề dịch bệnh, thực phẩm nhập lậu. Năm 2012 là một năm bùng nổ của dịch bệnh, dịch lợn tai xanh, dịch cúm A H5N1 đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người chăn nuôi và các doanh nghiệp chế biến thực phẩm. Mà nguyên nhân chính được điều tra là do hành vi nhập lậu thực phẩm, gia súc, gia cầm không qua kiểm dịch đã làm cho dịch bệnh bùng phát. Sang đến năm 2013, Bộ Y tế đã tăng cường các trạm kiểm dịch và tiêm phòng dịch đã phần nào giảm bớt dịch bệnh, ổn định tâm lý người tiêu dùng và sản xuất trong ngành chăn nuôi và chế biến thịt

❖ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Nông nghiệp nói chung và chăn nuôi – chế biến thực phẩm hiện là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế Việt Nam. Nhờ đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ có được một lợi thế nhất định. Hiện nay, thịt lợn là nguồn thức ăn hàng đầu của người tiêu dùng Việt Nam trong số các sản phẩm thịt. Sự gia tăng nhu cầu thịt lợn bắt nguồn từ việc thu nhập của người dân ngày một tăng cao và do sự thay đổi chế độ dinh dưỡng theo hướng tiêu dùng nhiều hơn các sản phẩm giàu protein. Ngoài ra, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng cũng được ghi nhận là nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng tiêu dùng loại hàng hóa này.

Hiện nay, Việt Nam là nước đứng thứ tư trong các nước có số đầu heo lớn, điều đó chứng tỏ có rất nhiều nước đang có nhu cầu nhập khẩu thịt lợn. Trong quá khứ, Việt Nam từng xuất khẩu thịt lợn sang các nước Đông Âu. Đây chính là thị trường để mở lại xuất khẩu khi có điều kiện. Ngoài ra còn các thị trường khác cũng rất cần

thịt lợn như Nhật Bản, Trung Quốc. Chúng ta cần phải xuất khẩu thịt heo bằng con đường chính thức để đem lại giá trị cao.

Đứng trước những cơ hội và thách thức trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới như:

- Phát triển quy mô chăn nuôi các trang trại.
- Tăng cường kiểm tra và phòng chống dịch bệnh.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm thịt.
- Lập kế hoạch, nghiên cứu nhằm mục đích mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về thịt lợn...

8 Chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2013, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Công ty là 99 người.

Bảng 10

Đơn vị: Người

<i>Tiêu chí</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>
Số lượng nhân viên	105	99
I. Phân theo trình độ học vấn		
1. Trên đại học	0	0
2. Trình độ đại học	13	14
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	7	7
4. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	85	78
II. Phân theo thời hạn		
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (TGĐ, PTGĐ, KTT)	0	2
2. Hợp đồng dài hạn	105	96
3. Hợp đồng ngắn hạn	0	1

(Nguồn: Công ty cổ phần chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định)

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp



Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...



Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.

Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

9 Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Bảng chi trả cổ tức các năm

Bảng 11

Năm	Tỷ Lệ trả Cổ tức	Ghi chú
2007	12,55%	Trả bằng tiền mặt
2007	13,25%	Trả bằng tiền mặt
2008	10,77%	Trả bằng tiền mặt
2009	16,29	Trả bằng tiền mặt
2010	18,09%	Trả bằng tiền mặt
2011	20,94%	Trả bằng tiền mặt
2012	13,9%	Trả bằng tiền mặt

10 Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

❖ Mức lương bình quân

- Lương bình quân năm 2013 của công nhân sản xuất tại nhà máy: 4.000.000 đồng/tháng
- Lương bình quân năm 2013 của khối hành chính: 5.000.000 đồng/tháng

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nợ, không có nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo Luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định, và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 12

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Thuế giá trị gia tăng	95.308	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.925	237.818	737.434
	Tổng cộng	796.233	237.818	737.434

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định:**

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Bảng 13

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Quỹ đầu tư phát triển	6.148.100	148.100	228.668
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	586.489	376.293	344.957
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.078.497	1.078.496	1.118.781
	Tổng cộng	7.813.086	1.602.889	1.692.406

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 14

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn	5.200.000	9.682.358	9.628.316
2	Vay và nợ dài hạn	452.392	13.452.392	452.392
	Tổng cộng	5.652.392	23.134.750	10.070.708

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Trong năm 2013, Cơ cấu khoản vay nợ của Công ty gồm:

- Vay cá nhân Ông Vũ Minh Thành 10 tỷ để đầu tư vào dự án trang trại chăn nuôi tại xã Giao Thịnh – Giao Thủy – Nam Định với lãi suất 0% trong năm đầu tiên.
- Vay cá nhân ông Vũ Trọng Nghĩa 3 tỷ đồng lãi suất 0% trong năm đầu tiên để đầu tư xây dựng khu liên hiệp thể thao cho xã Hải Hà, huyện Hải Hậu.
- Vay ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Nam Định số tiền gần 9,7 tỷ với lãi suất 5,8% (lãi suất vay USD). Ngoài ra Công ty còn lại khoản nợ dài hạn 452 triệu vay Ngân hàng nhà nước.
- Tính tới thời điểm 30/06/2014, khoản vay của công ty với ông Vũ Minh Thành và ông Vũ Trọng Nghĩa đã được bù trừ công nợ bằng góp vốn vào Công ty.

- Tính tới thời điểm 30/06/2014, tổng các khoản vay nợ ngắn hạn của Công ty không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2013, khoản vay dài hạn chỉ còn lại khoản vay của Ngân hàng nhà nước Việt Nam từ năm 2009. Đây là khoản vay ưu đãi của Ngân hàng nhà nước để xây dựng cơ bản ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Khoản vay này không có thời hạn vay cụ thể, được Ngân hàng Nhà nước xác nhận theo từng thời kỳ và trả nợ tùy thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

❖ Tình hình hàng tồn kho

Bảng 15

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	Hàng tồn kho	12.589.236	12.523.755	9.789.725
1	Nguyên liệu, vật liệu	221.458	180.517	149.749
2	Thành phẩm	12.367.778	12.127.004	9.639.976
3	Hàng gửi đi bán	-	216.234	-
	Tổng cộng	12.589.236	12.523.755	9.789.725

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Tại thời điểm 31/12/2013, 30/06/2014 giá trị hàng tồn kho của Công ty có giá trị lớn, tương ứng 12,5 tỷ đồng và 9,8 tỷ đồng. Hàng hóa của công ty (chủ yếu là thịt lợn sữa) luôn được công ty thu mua liên tục để sẵn sàng xuất hàng cho những đơn hàng lớn. Hơn nữa, do công ty ký kết hợp đồng khung với hầu hết các đối tác nước ngoài và xuất hàng liên tục nên công ty luôn phải dự trữ một lượng hàng tồn kho nhất định để chuẩn bị cho các đơn hàng xuất bán vào các tháng tiếp theo.

Việc công ty không trích lập dự phòng hàng hóa tồn kho là do giá cả mặt hàng lợn sữa đông lạnh tại thời điểm lập báo cáo không thấp hơn giá ghi sổ của công ty và hàng được xuất bán thường xuyên.

❖ Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

Bảng 16

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Phải thu của khách hàng	6.196.448	2.478.641	11.765.848
2	Trả trước cho người bán	-	-	1.515.623
3	Các khoản phải thu khác	-	499.666	3.558.082
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	63.754	21.041
	Tổng cộng	6.196.448	3.042.061	16.860.594

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Khoản phải thu khách hàng thời điểm 31/12/2013 là 2,48 tỷ đồng, nhưng tính đến 30/06/2014 đã tăng lên 11,77 tỷ đồng nguyên nhân chính là do công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, thị phần bán hàng mở rộng.

Một số khách hàng chưa thanh toán có giá trị lớn như: Phải thu Công ty TNHH Hạnh Phan: 2,6 tỷ đồng, Sunhing City Limited: 2,3 tỷ đồng, Seabo InternationalxLDT MIF: 2,3 tỷ đồng, Ông Nguyễn Đình Hùng: 2,4 tỷ đồng... Các khoản phải thu này được khách hàng thanh toán theo từng đợt. Đối với các khách hàng nước ngoài, thời hạn thanh toán của khách hàng thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Đối với các khách hàng trong nước, khoảng thời gian này có thể dài hơn tùy thuộc mức độ tiêu thụ của khách hàng. Tất cả các khoản phải thu này đều là các khoản của các khách hàng quen thuộc, có giao dịch thường xuyên với công ty và không có khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải trả

Bảng 17

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Phải trả người bán	89.143	2.300.020	186.062
2	Người mua trả tiền trước	-	-	-
3	Phải trả người lao động	908.966	283.232	209.037
4	Các khoản phải trả khác	190.119	269.566	313.690
	Tổng	1.107.228	2.852.818	708.789

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Các khoản đầu tư dài hạn

Bảng 18

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
1	Đầu tư dài hạn khác		13.000.000	29.800.000
	TỔNG	-	13.000.000	29.800.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 và BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Tính đến thời điểm 30/06/2014, đầu tư dài hạn của Công ty bao gồm:

- Hợp tác đầu tư với trang trại chăn nuôi Hà Lạn – xã Giao Thịnh, huyện Hải Hậu, Tỉnh nam Định. Trong đó, Công ty góp 10 tỷ đồng và hưởng 30% lợi nhuận từ hoạt động của trang trại.

- Đầu tư xây dựng Khu liên hiệp thể thao tại xã Giao Thịnh, Hải Hậu, Nam Định với số vốn đầu tư là 3 tỷ đồng.
- Hợp tác đầu tư vào trang trại chăn nuôi của bà Phạm Ngọc Hà. Trong đó, Công ty góp 2 tỷ đồng và hưởng 30% lợi nhuận từ hoạt động của trang trại.
- Đầu tư 300.000 cổ phần với trị giá 3 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái, nắm tỷ lệ 3,7%.
- Đầu tư 200.000 cổ phần với trị giá 2 tỷ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh, nắm tỷ lệ 10,6%
- Đầu tư 980.000 cổ phần với trị giá 9,8 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt, nắm tỷ lệ 19,6%.

10.2 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,39	0,64
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	0,63	1,76
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,46	1,95
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,21	1,00
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	6,93	4,82
Hàng tồn kho bình quân			
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: <u>Doanh thu thuần</u>	Lần	3,49	1,86
Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1,33	1,37
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,26	5,67
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	4,66	2,54
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,29	1,79

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của Công ty)

11 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Danh sách

❖ Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 20

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Vũ Trọng Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	24/04/1965	565.380
2	Vũ Trung Thành	Thành viên HĐQT	20/11/1971	10.000
3	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	06/08/1983	20.000
4	Nguyễn Văn Tấn	Thành viên HĐQT	10/02/1969	1.000
5	Phạm Quang Hải	Thành viên HĐQT	05/12/1983	50.000

❖ Danh sách Ban Giám đốc

Bảng 21

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Việt Hùng	Giám Đốc	06/08/1983	20.000
2	Vũ Trung Thành	Phó Giám Đốc	20/11/1971	10.000

❖ Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng 22

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ
1	Đinh Văn Phiên	Trưởng BKS	01/02/1960	16.975
2	Bùi Thị Phòng	Thành viên BKS	20/11/1963	1.000
3	Đỗ Thị Ngân	Thành viên BKS	17/10/1989	1.000

❖ Kế toán trưởng

Bảng 22

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần
-----	-----------	---------	-----------	------------

				năm giữ
1	Trần Thị Nụ	Kế toán trưởng	15/02/1959	10.000

11.2 Sơ yếu lý lịch

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

a. Ông: VŨ TRỌNG NGHĨA – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: VŨ TRỌNG NGHĨA
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/04/1965
- Nơi sinh: Hải Hà – Hải Hậu – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Hải Lộc - Hải Hậu – Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 161514164 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 03/10/2012
- Điện thoại liên hệ: 0915656717
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Trung Tâm giống chất lượng cao Đại học Nông nghiệp I Hà Nội

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2004 đến năm 2010	Giám Đốc	Công ty TNHH Hoàng Thành Đạt
Từ năm 2010 đến nay	Phó Giám Đốc	Trung Tâm giống chất lượng cao Đại học Nông nghiệp I Hà Nội
Từ tháng 04/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 565.380 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 12.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ
-----	-----------	-------------	----------------------	-------

1	Vũ Thị Thanh Hà	Em gái	10.000	0,177%
2	Vũ Thị Thanh Hương	Em gái	2.000	0,035%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Ông: NGUYỄN VIỆT HÙNG – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN VIỆT HÙNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/08/1983
- Nơi sinh: Hiệp An – Kinh Môn – Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu I Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Chứng minh thư nhân dân số: 142081903 Nơi cấp: Hải Dương Ngày cấp: 27/08/1999
- Điện thoại liên hệ: 0916398256
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2007 đến năm 2013	Tổ trưởng tổ sản xuất	Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico
Từ năm 2013 đến nay	Giám Đốc	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định
Từ tháng 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,35% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 3.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Chị gái	1.000	0,018%
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chị gái	1.000	0,018%
3	Phạm Thị Nga	Vợ	1.000	0,018%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Ông: VŨ TRUNG THÀNH – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **VŨ TRUNG THÀNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/11/1971
- Nơi sinh: Lam Hạ, Duy Tiên, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 94 Bến Thóc, phố Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 162664135 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 11/06/2013
- Điện thoại liên hệ: 0912514836
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị Công tác
Từ năm 2005 đến năm 2012	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định
Từ năm 2005 đến nay	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất

		khẩu Nam Định
Từ tháng 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 1.500 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Xuân	Em gái	500	0,009%
2	Vũ Thị Ngọc	Chị gái	500	0,009%
3	Vũ Thị Hương	Em	500	0,009%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Ông: NGUYỄN VĂN TẤN – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN TẤN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/02/1969
- Nơi sinh: Thôn Tam, xã Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Đội 4 Thôn Tam, xã Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam
- Chứng minh thư nhân dân số: 182076853 Nơi cấp: Hà Nam Ngày cấp: 30/10/2010
- Điện thoại liên hệ: 0912514836
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp quản lý kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó phòng SXKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị Công tác
Từ năm 1987 đến năm 1990	Công nhân	Công ty đá vôi Kiện Khê - Hà Nam
Từ năm 1991 đến năm 2000	Phó phòng SXKD	Xí nghiệp Đông Lạnh Thịt xuất khẩu
Từ năm 2000 đến nay	Phó phòng SXKD	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định
Từ tháng 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,0018% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Ông: PHẠM VĂN HẢI – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: PHẠM VĂN HẢI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/12/1983
- Nơi sinh: Xã Hải Hà, Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Hải Hà, Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số:162466195 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp:11/08/2011
- Điện thoại liên hệ: 0905 051 283
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hàng hải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Sỹ quan vận hành máy 2 tại CTCP Lao động và hợp tác với nước ngoài – Inlaco Hải Phòng

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn Vị Công tác
Từ năm 2005 đến nay	Sỹ quan vận hành máy 2	Công ty Cổ phần lao động và hợp tác với nước ngoài - Công ty Inlaco Hải Phòng
Từ tháng 05/2013 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần, chiếm 0,88% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 235.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số cổ phần SH	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Phần	Vợ	5.000	0,09%
2	Phạm Thị Trinh	Chị Gái	180.000	3,18%
3	Phạm Thị Hồng	Em Gái	50.000	0,88%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

a. Ông: NGUYỄN VIỆT HÙNG - Giám đốc

(Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục b)

b. Ông : VŨ TRUNG THÀNH – Phó giám đốc

c. (Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục c)

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**a. Ông: ĐINH VĂN PHIÊN - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: ĐINH VĂN PHIÊN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/02/1960
- Nơi sinh: Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 35 Bùi Thị Xuân, Khu tái định cư D10, thành phố Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 162171210 Nơi cấp: Nam Định
Ngày cấp: 25/05/2012
- Điện thoại liên hệ: 0913626459
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Nông Nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Nhân viên kế toán CTCP Thương mại và Đầu tư Biển Đông
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 4/1977 đến 5/1989	Cán bộ	Tổng cục I Công an Thành phố Hồ Chí Minh
Từ tháng 6/1989 đến năm 2000	Trưởng phòng TCHC – Trưởng Ban Kiểm soát	Xí nghiệp Đông Lạnh Thịt xuất khẩu
Từ tháng 01/2013 đến nay	Nhân viên kế toán	Công ty Cổ phần Thương Mại và Đầu tư Biển Đông
Từ năm 2000 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 16.975 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Bà: ĐỖ THỊ NGÂN – Thành viên BKS

- Họ và tên: ĐỖ THỊ NGÂN
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 17/10/1989
- Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Trần Bích San, Thành phố Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 163021956 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 22/12/2006
- Điện thoại liên hệ: 01674554150
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên BKS, nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2013 đến nay	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định	Nhân viên phòng TC – HC
Từ 05/2014 đến nay	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định	Thành viên BKS

-
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Bà: BÙI THỊ PHÒNG – Thành viên BKS

- Họ và tên: BÙI THỊ PHÒNG
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/11/1963
- Nơi sinh: Nam Tiến – Nam Trực – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: H98 Đường Tiền Phong, Trần Quang Khải, Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 162076866 Nơi cấp: CA.Nam Định Ngày cấp: 22/12/2010
- Điện thoại liên hệ: 0987613485
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên BKS, Phó phòng SXKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1989 đến năm 1995	Xí nghiệp Đông Lạnh xuất khẩu	Tổ trưởng tổ đóng gói
Từ năm 1995 đến năm 1999	Xí nghiệp Đông Lạnh xuất khẩu	Kế toán phòng SXKD
Từ năm 2000 đến nay	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định	Phó phòng SXKD
Từ tháng 05/2014	Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định	Thành viên BKS

-
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lý lịch Kế toán trưởng

Bà: TRẦN THỊ NỤ - Kế toán trưởng

- Họ và tên: TRẦN THỊ NỤ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 15/02/1959
- Nơi sinh: Lộc An, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 2/466 Nguyễn Bính, Trần Quang Khải, Nam Định
- CMND số: 162570008 Nơi cấp: Nam Định Ngày cấp: 17/09/2009
- Điện thoại liên hệ: 0915770154
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1980 đến năm 1988	Kế toán	Công ty chế biến gia súc Hà Nam Ninh
Từ năm 1989 đến năm 2000	Kế toán trưởng	Xí nghiệp Đông lạnh Thịt xuất khẩu
Từ năm 2000 đến năm nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Nông sản Xuất khẩu Nam Định

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12 Tài sản

Danh mục một số TSCĐ chính của Công ty

Bảng 23a

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012		31/12/2013		30/06/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	20.247.156	1.354.701	20.503.341	1.718.531	20.503.340	1.597.053
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.293.982	1.354.701	6.426.592	1.435.804	6.426.592	1.342.598
2	Máy móc thiết bị	13.543.174	-	13.384.021	-	13.384.021	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	410.000	-	692.727	282.727	692.727	254.455
II	Tài sản vô hình	1.253.788	853.271	1.253.788	807.476	1.253.788	782.035
1	Quyền sử dụng đất	1.253.788	853.271	1.253.788	807.476	1.253.788	782.035
	Tổng cộng	21.500.944	2.207.972	21.757.129	2.526.007	21.757.128	2.379.088

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

Hiện tại, Công ty được giấy chứng nhận quyền sở hữu đất với diện tích sử dụng là 2,2 ha tại đường Trần Nhân Tông, phường Trần Quang Khải, thành phố tỉnh Nam Định. Đây là địa điểm rất thuận lợi cho việc cung cấp nguyên liệu đầu vào của công ty. Công ty đã sử dụng hết khoảng 2 ha đất, phần còn lại 0,2 ha mới được cấp thêm công ty đang dự kiến xây dựng thêm nhà máy sản xuất thực phẩm chín như xúc xích, giò....

Danh mục chi phí XD CB dở dang

Bảng 23b

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
I	Chi phí XD CB dở dang	-	500.066	535.105
1	Sửa chữa lớn TSCĐ	-	500.066	535.105
	Tổng	-	500.066	535.105

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, BCTC Quý II năm 2014 của Công ty)

13 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014-2016

Bảng 24

ĐVT: Nghìn đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2013	Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2014	Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2015
1	Vốn điều lệ	56.538.000	336,59%	56.538.000	0%	56.538.000	0%
2	Doanh thu thuần	120.000.000	104,08%	150.000.000	25%	180.000.000	20%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.000.000	1.013,86%	12.000.000	33,33%	15.000.000	25%
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,5%	-	8%	-	8,3%	-
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	15,9%	-	21,2%	-	26,5%	-
7	Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	10%	-	15%	-	15%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty)

13.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty đã được tăng lên 56,538 tỷ đồng tính tới thời điểm 30/06/2014. Sau khi hoàn thành tăng vốn, Công ty đã thực hiện các hoạt động đầu tư và bổ sung vào vốn lưu động của Công ty để thúc đẩy quá trình sản xuất, đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong các năm tiếp theo. Vì vậy, việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2014 – 2016 có tính khả thi cao.

Ngoài việc ổn định và thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất trong năm 2014 Công ty còn kỳ vọng vào các khoản đầu tư tiềm năng khác như:

- Năm 2013, với việc hợp tác đầu tư vào trang trại Hà Lan của Ông Vũ Trọng Nghĩa với mức đầu tư là 10 tỷ đồng.
- Năm 2014, Công ty cũng có nhiều hoạt động kinh doanh mới để đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm việc đầu tư dây chuyền sản xuất chế biến thực phẩm chín, đầu tư vào doanh nghiệp thương mại thực phẩm, các doanh nghiệp cùng ngành , ...

Ngoài ra, các hợp đồng đã được ký với khách hàng đang được công ty tiếp tục thực hiện, đồng thời trong đầu năm 2014 công ty tiến hành ký kết thêm các hợp đồng với các đối tác trong nước và nước ngoài về cung cấp thịt lợn sữa. Các hợp đồng này sẽ được thực hiện nhiều trong quý III và quý IV năm 2014 và sẽ đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho công ty. Cụ thể nguồn thu của các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được dự toán như sau:

 Về doanh thu: Dự toán về doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thịt lợn đông lạnh trong năm 2014, chi tiết:

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng trong nước dự kiến: 20 tỷ đồng
- Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu dự kiến: 100 tỷ đồng

 Về lợi nhuận: Dự toán về lợi nhuận thu được trong năm 2014 như sau:

- Lợi nhuận dự kiến thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thịt lợn đông lạnh: 5,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận dự kiến thu được từ hoạt động hợp tác kinh doanh trang trại: 2,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận còn lại dự kiến thu từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn (cổ tức)

Theo BCTC quý II năm 2014, sáu tháng đầu năm 2014, Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 40,8 tỷ đồng đạt 34% kế hoạch và lợi nhuận là 2,68 tỷ đồng đạt 29,78% kế hoạch năm 2014. Với kết quả kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2014, Công ty tin tưởng vào việc hoàn thành kế hoạch của năm 2014 do nguồn thu chủ yếu, có tỷ trọng lớn của Công ty tập trung vào hai quý cuối năm.

Phân tích SWOT của Công ty:

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Là Doanh nghiệp ra đời từ những năm	- Phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự

80 đã có rất nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm nông sản. - Nguồn nguyên liệu phục vụ cho quá trình chế biến luôn ổn định, Công ty gần khu vực chăn nuôi phát triển. - Máy móc, trang thiết bị dành cho sản xuất theo quy mô dây chuyền, tận dụng được tối đa tiềm năng của công ty và giảm thiểu chi phí. - Thị trường tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ của Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường các nước lân cận. - Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó với Công ty tạo nên một tập thể đoàn kết, giàu sức mạnh.	nhiên: Dịch bệnh, giá cả, môi trường... Bất kỳ sự biến động nào cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. - Thay đổi về công nghệ cũng là một thách thức cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, công nghệ ngày càng hiện đại nếu công ty không theo kịp, cập nhật những công nghệ hiện đại sẽ tụt hậu so với các doanh nghiệp cùng ngành và không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng nước ngoài. - Thị trường biến động không ngừng cũng là một yếu tố tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.
Cơ hội	Thách thức
- Với uy tín ngày càng cao trong ngành, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục xin cấp phép và hợp tác với các trang trại để tạo ra nguồn cung ứng đầu vào ổn định và giảm thiểu chi phí tối đa cho Công ty. - Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Công ty cũng không phải là ngoại lệ. - Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK Hà Nội sẽ nâng cao uy	- Việc phát triển dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại để đáp ứng được quy chuẩn, yêu cầu của đối tác nước ngoài cũng là một thách thức không hề nhỏ đối với công ty. - Vấn đề bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên tại nhà máy và các khu vực mở khai thác. Việc bảo vệ an toàn trong sản xuất cho người lao động. - Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành trên cả nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài là một thách thức không nhỏ đối với Công ty.

tín cho Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty huy động vốn từ các Nhà đầu tư cho các dự án mới.	
---	--

13.2 Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư dây chuyền sản xuất mới nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm đầu ra.
- Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu và hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Công ty nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất để sản phẩm sản xuất ra đạt hiệu quả cao, giá thành thấp.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc mảng thị phần, khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các nguồn hàng, duy trì thường xuyên mỗi thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người và môi trường. Hợp lý hóa các khâu sản xuất, thiết lập các định mức, biên độ sản xuất hợp lý tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.
- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...
- Bên cạnh đó, Công ty sẽ dự định triển khai một số dự án phát triển kinh doanh (đã được HĐQT thông qua) như:
 - + Đầu tư máy móc thiết bị để chế biến ra các sản phẩm chín từ các phụ phẩm của lợn để tận dụng tối đa nguồn lực của Công ty
 - + Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với trang trại chăn nuôi lợn ở Huyện Hải Hậu.

Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

14 Đánh giá của Tổ chức tư vấn niềm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng việc phát triển xuất khẩu ra các nước ngày càng nhiều nên việc tiêu thị sản phẩm của Công ty ngày càng cao. Giá của các sản phẩm của Công ty trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng ngày

càng ổn định hơn. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường của hoạt động kinh doanh của công ty và của nền kinh tế ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho giai đoạn 2014-2015 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của ngành chế biến thực phẩm tại Việt Nam cũng như của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

15 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

16 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

- Không có

PHẦN V**CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

- 1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu**
- 3. Mã chứng khoán: NDF**
- 4. Tổng số chứng khoán niêm yết: 5.653.800 cổ phiếu**
- 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **675.355** cổ phiếu chiếm 11,95% vốn điều lệ.

Bảng 25

Đơn vị: cổ phần

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Vũ Trọng Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	565.380	282.690
2	Vũ Trung Thành	Ủy viên HĐQT	10.000	5.000
3	Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên HĐQT	20.000	20.000
4	Nguyễn Văn Tấn	Ủy viên HĐQT	1.000	500
5	Phạm Quang Hải	Ủy viên HĐQT	50.000	25.000
6	Đinh Văn Phiên	Trưởng BKS	16.975	8.487
7	Bùi Thị Phòng	Thành viên BKS	1.000	500
8	Đỗ Thị Ngân	Thành viên BKS	1.000	500
9	Trần Thị Nụ	Kế Toán Trưởng	10.000	5.000

	Tổng		675.355	337.667
--	-------------	--	----------------	----------------

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu NDF tại các thời điểm là 31/12/2012, 31/12/2013 và 30/06/2014 như sau:

Bảng 26

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	13.283.338.926	15.119.846.477	61.360.100.123
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	322.140	1.295.000	5.653.800
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	41.235	11.676	10.852

6.2. Phương pháp định giá

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu NDF sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Nông sản xuất khẩu Nam Định không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu Nam Định được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 19/08/2014, có 01 cổ đông nước ngoài nắm giữ 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,18% cổ phần của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môn bài... Riêng thuế xuất khẩu sản phẩm của Công ty được miễn 100%.

PHẦN VI

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: www.apec.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG T.D.K

Địa chỉ: 2A Tầng 11 sàh KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT – CA HN,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 44500668 Fax: 04. 44500669

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

PHẦN VII

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013;
- 4. Phụ lục IV** : BCTC quý II năm 2014.

Nam Định, ngày 25 tháng 8, năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị	 Vũ Trọng Nghĩa
Giám đốc	 Nguyễn Việt Hùng
Trưởng ban kiểm soát	 Đinh Văn Phiên
Kế toán trưởng	 Trần Thị Nụ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đỗ Lăng